TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/07/2025
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Trung
2. Bà Ngô Thị Út Hậu

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án Nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận O, Tp Cần Thơ (nay là phường O, Tp Cần Thơ)

Căn cước công dân số: 092079008620

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận O, Tp Cần Thơ (nay là phường O, Tp Cần Thơ)

Căn cước công dân số: 091180000415

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 14/04/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh G trình bày: Vợ chồng bà đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND phường Thới An, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ. Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị U. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quá trình chung sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng hiện đã sống ly thân khoảng 2 tháng, không ai thăm hỏi đến ai. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không có hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn, thường xuyên cãi nhau về kinh tế, một phần vì mâu thuẫn gia đình liên quan đến người lớn. Về tài sản chung không có, nợ chung là không có. Về con chung có 02 con chung là Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1999 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 22/11/2005. Ông đang làm nghề nghiệp là làm việc cho công ty, có hợp đồng lao động. Hiện tại đang sống tại tại nhà chị ruột ở phường Phước Thới.

Đối với yêu cầu tặng cho lại thửa đất của ông Nguyễn Văn Tư (cha ruột) cho 02 con chung. Hiện ông không đồng ý vì ông lo sợ giao lại cho 02 con thì 02 con sẽ bán đi tài sản gia đình vì con ông còm ham chơi, chỉ lo cờ bạc.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị U trình bày: Về nợ chung là không có, về tài sản chung không có. Về có chung có 02 con chung là Nguyễn phước Đ, sinh năm 199 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 22/11/2005, đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn ông G trình bày là không đúng, mà giữa vợ chồng không có mẫu thuẫn, mà câu chuyện ông G nộp đơn ly hôn là do mâu thuẫn nội bộ gia đình, mà chủ yếu là các chị em của ông G đều giữ hết tiền, kinh tế của gia đình đều do các anh em của ông G quyết định. Nên vợ chồng thường xuyên cự cãi về chuyện của anh em trong gia đình. Nên nay bà không đồng ý ly hôn với ông G. Bà chỉ đồng ý ly hôn với ông G với điều kiện thửa đất của ông G thừa kế từ cha mẹ ông G phải tặng cho lại cho 02 con của bà để sau này 02 con của bà có chỗ ở.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà U, nguyên nhân mâu thuẫn ly hôn là do vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, không còn sẽ chia trong cuộc sống, nhiều lần ông bệnh vợ vẫn không quan tâm nên nay không còn tình cảm với bà U, hiện đã sống ly thân được khoảng 3 đến 4 tháng. Về nợ chung và tài sản chung là không có, có 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn về yêu cầu giao tài sản của cá nhân ông cho các con của bị đơn thì ông không đồng ý vì hiện các con ông còn ham chơi, cờ bạc, gây nợ nần, ông cũng đã nhiều lần trả nợ cho con.

Bị đơn bà U trình bày: Nguyên nhân ông G nộp đơn ly hôn là từ mâu thuẫn gia đình, cụ thể là có thời gian mâu thuẫn với mẹ chồng, về yêu cầu ly hôn của ông G thì bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông G nếu đồng ý giao nhà và đất ông thừa kế của cha mẹ cho 02 con của bà có phần. Về nợ chung và tài sản chung là không có. Về con chung thì có 02 con chung đã trưởng thành. Hiện vợ chồng sống ly thân được khoảng 4 tháng, ông G đang sống tại nhà trọ của chị ruột ông G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị U. Giữa ông Nguyễn Thanh G và bà Nguyễn Thị U chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Ô Môn, Tp Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của ông Nguyễn Thanh G thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm, không còn thương yêu lẫn nhau, quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là vấn đề kinh tế gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo lời trình bày của ông vợ chồng kết hôn năm 2008, gần đây thì không còn sống chung với nhau (ly thân), từ khi ly thân đến nay thì không ai quan tâm đến ai, không gặp nhau thăm hỏi cho thấy vợ chồng có sự bỏ mặc nhau, không còn thương yêu và không có tình nghĩa vợ chồng.

Vì vậy, mối quan hệ hôn nhân của ông G và bà U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G.

Đối với ý kiến của bị đơn chỉ đồng ý ly hôn với ông G khi ông G giao tài sản cho các con, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của bà U là không phù hợp với quay định của pháp luật nên không chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nhận thấy 02 con chung Nguyễn phước Đ, sinh ngày 20/6/1999 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 22/11/2005 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày không có nên Toà án không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh G phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh G.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Thanh G ly hôn với bà Nguyễn Thị U.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự cho rằng không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về con chung*: Đã trưởng thành.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông Nguyễn Thanh G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí, chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000502 ngày 21/05/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, TP. Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được

bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án Nhân dân TPCT;
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND KV2 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS TPCT;
- UBND phường Ô Môn;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thanh Thái